

Số: 07/NQ-HĐND

Yên Châu, ngày 26 tháng 6 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU**  
**KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 08**

Căn cứ Điều 26, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông báo số 377/TB-TTHĐND ngày 24/5/2019 của Thường trực HĐND tỉnh về giải pháp thực hiện giải phóng mặt bằng; đầu tư khu ở và kế hoạch thu - chi từ đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Quyết định số 3288/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2019;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 03/6/2019 của UBND huyện về việc phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện (lần 2); Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 14/6/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận tại Kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện (lần 2), với nội dung cụ thể như sau:

**Tổng số tiền phân bổ: 20.541,889 triệu đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tỷ, năm trăm bốn mươi một triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn đồng). Trong đó:

**1. Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2018 chuyển sang năm 2019**

**1.1. Số tiền phân bổ: 6.104,771 triệu đồng**

- Các dự án đầu tư ngoài khu ở: 03 dự án khởi công mới, số tiền 1.604,771 triệu đồng.

- Chi khác: 4.500 triệu đồng.

+ Hoàn trả nguồn kinh phí hỗ trợ làm đường GTNT theo Nghị quyết 77/2018/NQ-HĐND năm, số tiền 3.000 triệu đồng.

+ Điều tiết trước về ngân sách tỉnh năm 2019, số tiền 1.500 triệu đồng. 

**1.2. Nguồn vốn thực hiện:** Vốn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2018 chuyển nguồn sang năm 2019 tại Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND huyện Yên Châu.

## **2. Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019**

### **2.1. Số tiền phân bổ: 14.437,118 triệu đồng**

- Các dự án đầu tư ngoài khu ở: 06 dự án (01 dự án hoàn thành, 02 dự án chuyển tiếp, 03 dự án khởi công mới), số tiền 9.316,568 triệu đồng.

- Các dự án đầu tư trong khu ở: 05 dự án chuyển tiếp, số tiền 2.138,550 triệu đồng.

- Chi khác: Điều tiết về ngân sách tỉnh năm 2019, số tiền 982 triệu đồng.

- Hỗ trợ làm đường GTNT theo Nghị quyết 77/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, số tiền 2.000 triệu đồng.

**2.4. Nguồn vốn thực hiện:** Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019 được HĐND huyện Yên Châu giao tại Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 22/12/2018.

*(Có 01 phụ lục và 03 biểu chi tiết kèm theo)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện:** Chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị phân bổ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp huyện (lần 2) đúng quy định.

**2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh (BC);
- Đ/c Phạm Văn Thủy, TUV, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Sở KH-ĐT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMT TQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các chủ đầu tư;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Thanh tra huyện; phòng Nội vụ (CCHC);
- LĐ, CV VP HĐND-UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH, Tuân 100 bản.

**CHỦ TỊCH**



**Quản Thị Dung**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU**

**PHỤ LỤC**

**PHÂN BỐ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Nội dung                                                            | Số tiền phân<br>bố | Ghi chú           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                    | <b>20.541,889</b>  |                   |
| 1   | Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2018 chuyển sang 2019                | 6.104,771          | <i>Biểu số 01</i> |
| 2   | Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019                                 | 14.437,118         |                   |
| 2.1 | Đầu tư ngoài khu ở, trong khu ở, điều tiết về ngân sách tỉnh        | 12.437,118         | <i>Biểu số 02</i> |
| 2.2 | Hỗ trợ làm đường GTNT theo Nghị quyết 77/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh | 2.000,000          | <i>Biểu số 03</i> |



**CHỦ TỊCH**

**Quản Thị Dung**

PHẦN BỔ NGỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

BVT, Tịch thu công

| STT | Nội dung                                                           | Số tiền phải nộp | Chỉ căn  |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------------------|----------|
|     | TỔNG CỘNG                                                          | 20.511.829       |          |
| 1   | Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2018 chuyển sang 2019               | 6.104.771        | Mã số 01 |
| 2   | Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019                                | 14.437.112       |          |
| 2.1 | Dầu từ người khác, trong đó: tiền hết về ngân sách tỉnh            | 12.437.112       | Mã số 02 |
| 2.2 | Hỗ trợ làm đường GTNT theo Nghị quyết 77/2018/Q-HĐND của HĐND tỉnh | 2.000.000        | Mã số 03 |



Quản lý thuế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU

Biểu số 1

**PHÂN BỐ NGUỒN TĂNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 CHUYỂN SANG NĂM 2019**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | NỘI DUNG                                                                                                     | Chủ đầu tư    | Địa điểm XD | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư |           |         | Kế hoạch vốn năm 2019 | Số còn nợ | Ghi chú                                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------------|-----------------|-----------------|-----------|---------|-----------------------|-----------|-----------------------------------------|
|     |                                                                                                              |               |             |                 | Tổng cộng       | Trong đó  |         |                       |           |                                         |
|     |                                                                                                              |               |             |                 |                 | NSNN      | Dân góp |                       |           |                                         |
| 1   | 2                                                                                                            | 3             | 4           | 5               | 6               | 7         | 8       | 9                     | 10        | 11                                      |
|     | TỔNG SỐ:                                                                                                     |               |             |                 | 4.400,000       | 4.200,000 | 200,000 | 6.104,771             | 2.595,229 |                                         |
| I   | Các dự án đầu tư                                                                                             |               |             |                 | 4.400,000       | 4.200,000 | 200,000 | 1.604,771             | 2.595,229 |                                         |
| 1   | Nhà Văn hóa bản Mai Ngập, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu                                                     | Ban QLDA DTXD | Chiềng Sàng | 2019            | 1.000,000       | 900,000   | 100,000 | 400,000               | 500,000   |                                         |
| 2   | Nhà Văn hóa bản Chiềng Kim, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu                                                   | Ban QLDA DTXD | Chiềng Sàng | 2019            | 1.000,000       | 900,000   | 100,000 | 400,000               | 500,000   |                                         |
| 3   | Nhà làm việc các đoàn thể xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu                                                     | Ban QLDA DTXD | Chiềng Sàng | 2019-2020       | 2.400,000       | 2.400,000 |         | 804,771               | 1.595,229 |                                         |
| II  | Chi khác                                                                                                     |               |             |                 | -               | -         | -       | 4.500,000             | -         |                                         |
| 1   | Hỗ trợ làm đường GTNT theo Nghị quyết 77/2018/NQ-HĐND (hoàn trả nguồn NS tính năm 2018 UBND tỉnh đã thu hồi) |               |             |                 |                 |           |         | 3.000,000             |           | Hạch toán hoàn trả N huyện đã ứng trước |
| 2   | Điều tiết trước về ngân sách tỉnh năm 2019                                                                   |               |             |                 |                 |           |         | 1.500,000             |           |                                         |

**CHỦ TỊCH**



**Quản Thị Dung**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU**

Biểu số

**PHÂN BỐ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT        | NỘI DUNG                                                          | Chủ đầu tư    | Địa điểm XD  | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư |            | Giá trị quyết toán | KH vốn đã bố trí đến 31/12/2018 | Kế hoạch vốn năm 2019 | Số còn nợ  | Ghi chú                        |
|------------|-------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|-----------------|-------------------|------------|--------------------|---------------------------------|-----------------------|------------|--------------------------------|
|            |                                                                   |               |              |                 | Số, ngày, tháng   | Tổng mức   |                    |                                 |                       |            |                                |
| 1          | 2                                                                 | 3             | 4            | 5               | 6                 | 7          | 8                  | 9                               | 10                    | 11         | 12                             |
|            | <b>TỔNG SỐ:</b>                                                   |               |              |                 |                   | 31.218,277 | 1.996,536          | 4.830,986                       | 12.437,118            | 12.247,709 |                                |
| <b>A</b>   | <b>Các dự án đầu tư ngoài khu ở</b>                               |               |              |                 |                   | 26.600,000 | 1.996,536          | 2.351,259                       | 9.316,568             | 12.247,709 |                                |
| <b>I</b>   | <b>Công trình hoàn thành</b>                                      |               |              |                 |                   | 2.000,000  | 1.996,536          | 433,259                         | 1.563,277             | -          |                                |
| 1          | Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Huyện ủy Yên Châu               | Ban QLDA DTXD | Thị trấn     | 2018            | 1227-31/10/2017   | 2.000,000  | 1.996,536          | 433,259                         | 1.563,277             | -          |                                |
| <b>II</b>  | <b>Công trình chuyển tiếp</b>                                     |               |              |                 |                   | 14.000,000 | -                  | 1.918,000                       | 4.400,000             | 5.001,000  |                                |
| 1          | Nâng cấp đường TL 103A - hang Chi Dầy, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu | Ban QLDA DTXD | Yên Sơn      | 2018-2019       | 1182-17/10/2017   | 11.000,000 |                    | 1.318,000                       | 3.000,000             | 4.001,000  | LG v<br>CTMT,<br>NTA<br>2.681. |
| 2          | Sân vận động xã Phiêng Khoài                                      | Ban QLDA DTXD | Phiêng Khoài | 2018-2019       | 1183-17/10/2017   | 3.000,000  |                    | 600,000                         | 1.400,000             | 1.000,000  |                                |
| <b>III</b> | <b>Công trình khởi công mới</b>                                   |               |              |                 |                   | 10.600,000 | -                  | -                               | 3.353,291             | 7.246,709  |                                |
| 1          | Cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất trường tiểu học Thị trấn          | Ban QLDA DTXD | Thị trấn     | 2019            | 1043-29/10/2018   | 2.800,000  | -                  | -                               | 1.000,000             | 1.800,000  |                                |
| 2          | Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu | Ban QLDA DTXD | Phiêng Khoài | 2019            | 1042-29/10/2018   | 800,000    | -                  | -                               | 800,000               | -          |                                |
| 3          | Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu | Ban QLDA DTXD | Chiềng Đông  | 2019-2020       | 1050-29/10/2018   | 7.000,000  | -                  | -                               | 1.553,291             | 5.446,709  |                                |
| <b>B</b>   | <b>Đầu tư trong khu ở</b>                                         |               |              |                 |                   | 4.618,277  | -                  | 2.479,727                       | 2.138,550             | -          |                                |

| NỘI DUNG                                                                               | Chủ đầu tư    | Địa điểm XD  | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư |           | Giá trị quyết toán | KH vốn đã bố trí đến 31/12/2018 | Kế hoạch vốn năm 2019 | Số còn nợ | Ghi chú   |
|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------|-----------------|-------------------|-----------|--------------------|---------------------------------|-----------------------|-----------|-----------|
|                                                                                        |               |              |                 | Số, ngày, tháng   | Tổng mức  |                    |                                 |                       |           |           |
| Ưu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư bán công Phiêng, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu          | Ban QLDA ĐTXD | Chiềng Păn   | 2018-2019       | 1052-30/10/2018   | 645,367   |                    | 419,727                         | 225,640               | -         |           |
| Ưu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu (trụ sở 661)          | Ban QLDA ĐTXD | Thị trấn     | 2018-2019       | 1053-30/10/2018   | 1.959,000 |                    | 1.150,000                       | 809,000               | -         |           |
| Ưu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư trung tâm xã Phiêng Khoai, huyện Yên Châu (trụ sở cũ)   | Ban QLDA ĐTXD | Phiêng Khoai | 2018-2019       | 1055-30/10/2018   | 447,000   |                    | 310,000                         | 137,000               | -         |           |
| Ưu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư trung tâm xã Phiêng Khoai, huyện Yên Châu (vận động cũ) | Ban QLDA ĐTXD | Phiêng Khoai | 2018-2019       | 1056-30/10/2018   | 840,876   |                    | 600,000                         | 240,876               | -         |           |
| Ưu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư bán nhà ở, xã Chiềng On, huyện Yên Châu                 | Ban QLDA ĐTXD | Chiềng On    | 2018-2019       | 1057-30/10/2018   | 726,034   |                    | -                               | 726,034               | -         |           |
| khí khác                                                                               |               |              |                 |                   | -         |                    | -                               | 982,000               |           |           |
| Tổng tiết về ngân sách tỉnh năm 2019                                                   |               |              |                 |                   |           |                    |                                 | 982,000               |           | <i>mm</i> |

CHỦ TỊCH



Quản Thị Dung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN CHÂU

Biểu số 0

PHÂN BỐ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

HỒ TRỢ LÀM ĐƯƠNG GTNT THEO NGHỊ QUYẾT 77/2018/NQ-HĐND NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 07/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Số<br>TT | Nội dung                                                            | Chủ đầu tư          | Thời<br>gian<br>KC-HT | Tổng mức đầu tư |          |                      | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2019 | Số còn nợ | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------|----------|----------------------|-----------------------------|-----------|---------|
|          |                                                                     |                     |                       | Tổng mức        | Trong đó |                      |                             |           |         |
|          |                                                                     |                     |                       |                 | NSNN     | Nhân dân<br>đóng góp |                             |           |         |
| 1        | 2                                                                   | 3                   | 4                     | 5               | 6        | 7                    | 8                           | 9         | 10      |
|          | TỔNG SỐ:                                                            |                     |                       | 6.420,5         | 2.052,4  | 4.368,1              | 2.000,0                     | 52,4      |         |
|          | Xã Chiềng Đông                                                      |                     |                       |                 |          |                      |                             |           |         |
| 1        | Đường đến bản Púng Khoai, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu (Lần 1)    | UBND xã Chiềng Đông | 2019                  | 337,8           | 121,9    | 215,9                | 121,9                       | -         |         |
|          | Xã Chiềng Sàng                                                      |                     |                       |                 |          |                      |                             |           |         |
| 2        | Đường nội bản Búng Mo, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu (Lần 4)       | UBND xã Chiềng Sàng | 2019                  | 754,4           | 225,4    | 529,0                | 225,4                       | -         |         |
| 3        | Đường nội bản Mai Ngập, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu (Lần 5)      | UBND xã Chiềng Sàng | 2019                  | 296,6           | 89,5     | 207,1                | 89,5                        | -         |         |
| 4        | Đường nội bản Mo, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu (Lần 3)            | UBND xã Chiềng Sàng | 2019                  | 417,4           | 124,7    | 292,7                | 124,7                       | -         |         |
| 5        | Đường nội đồng bản Mai Ngập, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu (Lần 1) | UBND xã Chiềng Sàng | 2019                  | 59,8            | 17,1     | 42,7                 | 17,1                        | -         |         |
| 6        | Đường nội đồng bản Đán, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu (Lần 1)      | UBND xã Chiềng Sàng | 2019                  | 59,9            | 17,2     | 42,7                 | 17,2                        | -         |         |
|          | Xã Chiềng Khoi                                                      |                     |                       |                 |          |                      |                             |           |         |
| 7        | Đường đến bản Ngaoàng, xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu (Lần 2)       | UBND xã Chiềng Khoi | 2019                  | 567,3           | 194,7    | 372,6                | 194,7                       | -         |         |
|          | Xã Sập Vạt                                                          |                     |                       |                 |          |                      |                             |           |         |

| Nội dung                                                         | Chủ đầu tư           | Thời gian<br>KC-HT | Tổng mức đầu tư |          |                      | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2019 | Số còn nợ | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------|----------|----------------------|-----------------------------|-----------|---------|
|                                                                  |                      |                    | Tổng mức        | Trong đó |                      |                             |           |         |
|                                                                  |                      |                    |                 | NSNN     | Nhân dân<br>đóng góp |                             |           |         |
| Đường liên bản Bát, bản Đông, xã Sặt Vạt, huyện Yên Châu (Lần 1) | UBND xã Sặt Vạt      | 2019               | 684,1           | 201,1    | 483,0                | 201,1                       | -         |         |
| <b>Xã Chiềng Hắc</b>                                             |                      |                    |                 |          |                      |                             |           |         |
| Đường nội bản Huổi Mong, xã Chiềng Hắc, huyện Yên Châu (Lần 2)   | UBND xã Chiềng Hắc   | 2019               | 269,1           | 79,3     | 189,9                | 79,3                        | -         |         |
| Đường đến bản Huổi Toi, xã Chiềng Hắc, huyện Yên Châu (Lần 2)    | UBND xã Chiềng Hắc   | 2019               | 130,3           | 39,2     | 91,1                 | 39,2                        | -         |         |
| <b>Xã Mường Lựm</b>                                              |                      |                    |                 |          |                      |                             |           |         |
| Đường nội bản Khẩu Khoang, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu (Lần 1)  | UBND xã Mường Lựm    | 2019               | 712,6           | 212,9    | 499,6                | 160,5                       | 52,4      |         |
| <b>Xã Tú Nang</b>                                                |                      |                    |                 |          |                      |                             |           |         |
| Đường đến bản Cốc Cù, xã Tú Nang, huyện Yên Châu (Lần 1)         | UBND xã Tú Nang      | 2019               | 187,5           | 67,1     | 120,4                | 67,1                        | -         |         |
| Đường nội bản Cốc Nông, xã Tú Nang, huyện Yên Châu (Lần 1)       | UBND xã Tú Nang      | 2019               | 457,7           | 141,9    | 315,8                | 141,9                       | -         |         |
| <b>Xã Lóng Phiêng</b>                                            |                      |                    |                 |          |                      |                             |           |         |
| Đường nội bản Mơ Tươi, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu (Lần 2)    | UBND xã Lóng Phiêng  | 2019               | 240,3           | 83,2     | 157,1                | 83,2                        | -         |         |
| <b>Xã Chiềng Tương</b>                                           |                      |                    |                 |          |                      |                             |           |         |
| Đường đến bản Pa Kha 3, xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu (Lần 2)  | UBND xã Chiềng Tương | 2019               | 417,1           | 166,1    | 251,0                | 166,1                       | -         |         |
| <b>Xã Phiêng Khoài</b>                                           |                      |                    |                 |          |                      |                             |           |         |
| Đường vào bản Tà Ên, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu (Lần 3)     | UBND xã Phiêng       | 2019               | 399,4           | 134,6    | 264,8                | 134,6                       | -         |         |
| <b>Xã Chiềng On</b>                                              |                      |                    |                 |          |                      |                             |           | thư     |

| Số<br>TT | Nội dung                                                  | Chủ đầu tư        | Thời<br>gian<br>KC-HT | Tổng mức đầu tư |          |                      | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2019 | Số còn nợ | Ghi chú   |
|----------|-----------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------|----------|----------------------|-----------------------------|-----------|-----------|
|          |                                                           |                   |                       | Tổng mức        | Trong đó |                      |                             |           |           |
|          |                                                           |                   |                       |                 | NSNN     | Nhân dân<br>đóng góp |                             |           |           |
| 17       | Đường nội bản Nà Dạ, xã Chiềng On, huyện Yên Châu (Lần 3) | UBND xã Chiềng On | 2019                  | 184,1           | 58,0     | 126,2                | 58,0                        | -         |           |
|          | <b>Xã Yên Sơn</b>                                         |                   |                       |                 |          |                      |                             |           |           |
| 18       | Đường nội bản Dán 1, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu (Lần 1)   | UBND xã Yên Sơn   | 2019                  | 245,3           | 78,7     | 166,6                | 78,7                        | -         | <i>me</i> |



**CHỦ TỊCH**

**Quan Thị Dung**



CHỖ ĐÓNG

Trị Bình

|    |                                                            |          |      |       |       |       |       |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------------|----------|------|-------|-------|-------|-------|--|--|--|
| 16 | Đường nội phân khu 1 xã Yên Sơn, thị trấn Yên Sơn (phần 1) | 1/50.000 | 2010 | 54.73 | 28.13 | 199.9 | 28.13 |  |  |  |
| 17 | Đường nội phân khu 1 xã Yên Sơn, thị trấn Yên Sơn (phần 2) | 1/50.000 | 2010 | 18.01 | 28.10 | 199.9 | 28.13 |  |  |  |
| 18 | Đường nội phân khu 1 xã Yên Sơn, thị trấn Yên Sơn (phần 3) | 1/50.000 | 2010 | 18.01 | 28.10 | 199.9 | 28.13 |  |  |  |
| 19 | Đường nội phân khu 1 xã Yên Sơn, thị trấn Yên Sơn (phần 4) | 1/50.000 | 2010 | 18.01 | 28.10 | 199.9 | 28.13 |  |  |  |